



BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày **15-05-2026**)



Tên hàng	KW	HP	In (A)		Mô tả	Đơn giá (Chưa VAT)	Đơn giá (Có VAT)
3Ø 200V Class 0.4~7.5KW * Non-Filter Type.			HD	ND			
LSLV0004G100-2EONN	0.4KW	0.5HP	2.5A	3.1A	Biến tần đa năng: Sử dụng trong tất cả các ngành công nghiệp bao gồm gia công kim loại, máy đúc, thiết bị thủy lực/ điều hòa không khí, thực phẩm và đồ uống/ máy dệt, thang máy/ băng tải và xử lý môi trường nước. . Máy cắt/ uốn/ đánh bóng . Quạt/ Bơm . Máy ép/ băng tải . Máy hút bụi/ tủ đông . Máy nén/ thổi . Cầu trục (Nâng hạ, xe con, xe cầu)	3.750.000	4.050.000
LSLV0008G100-2EONN	0.75KW	1HP	5A	6A		4.074.074	4.400.000
LSLV0015G100-2EONN	1.5KW	2HP	8A	9.6A		4.675.926	5.050.000
LSLV0022G100-2EONN	2.2KW	3HP	11A	12A		5.509.259	5.950.000
LSLV0040G100-2EONN	4KW	5HP	17A	18A		6.203.704	6.700.000
LSLV0055G100-2EONN	5.5KW	7.5HP	24A	30A		9.212.963	9.950.000
LSLV0075G100-2EONN	7.5KW	10HP	32A	40A		10.324.074	11.150.000
LSLV0110G100-2EONN	11KW	15HP	47A	56A		19.259.259	20.800.000
LSLV0150G100-2EONN	15KW	20HP	60A	70A		22.129.630	23.900.000
LSLV0185G100-2EONN	18.5KW	25HP	75A	82A		25.555.556	27.600.000
LSLV0220G100-2EONN	22KW	30HP	88A		30.185.185	32.600.000	
3Ø 400V Class 0.4~7.5KW * Non-Filter Type.			HD	ND			
LSLV0004G100-4EONN	0.4KW	0.5HP	1.3A	2A		4.018.519	4.340.000
LSLV0008G100-4EONN	0.75KW	1HP	2.5A	3.1A		4.259.259	4.600.000
LSLV0015G100-4EONN	1.5KW	2HP	4A	5.1A		4.675.926	5.050.000
LSLV0022G100-4EONN	2.2KW	3HP	5.5A	6.9A		5.277.778	5.700.000
LSLV0040G100-4EONN	4KW	5HP	9A	10A		6.250.000	6.750.000
LSLV0055G100-4EONN	5.5KW	7.5HP	12A	16A		8.842.593	9.550.000
LSLV0075G100-4EONN	7.5KW	10HP	16A	23A		9.722.222	10.500.000
LSLV0110G100-4EONN	11KW	15HP	47A	56A		16.944.444	18.300.000
LSLV0150G100-4EONN	15KW	20HP	60A	70A		18.518.519	20.000.000
LSLV0185G100-4EONN	18.5KW	25HP	75A	82A		21.944.444	23.700.000
LSLV0220G100-4EONN	22KW	30HP	88A		23.888.889	25.800.000	
3Ø 400V Class 0.4~7.5KW * Built-in Filter (C3)			HD	ND			
LSLV0004G100-4EOFN	0.4KW	0.5HP	1.3A	2A	 <p>User-friendly Design</p> <p>G100 is convenient to install, control, G100 is convenient for installation, control, and maintenance with diverse functions.</p> <ul style="list-style-type: none"> Built-in Potentiometer Easy operation with built-in potentiometer Smart Copier Copy parameter (Read/Write) and download firmware without supplying power to drive Remote Keypad Copy parameter (Read/Write) using remote keypad 	4.259.259	4.600.000
LSLV0008G100-4EOFN	0.75KW	1HP	2.5A	3.1A		4.537.037	4.900.000
LSLV0015G100-4EOFN	1.5KW	2HP	4A	5.1A		4.907.407	5.300.000
LSLV0022G100-4EOFN	2.2KW	3HP	5.5A	6.9A		5.555.556	6.000.000
LSLV0040G100-4EOFN	4KW	5HP	9A	10A		6.620.370	7.150.000
LSLV0055G100-4EOFN	5.5KW	7.5HP	12A	16A		9.351.852	10.100.000
LSLV0075G100-4EOFN	7.5KW	10HP	16A	23A		10.185.185	11.000.000
LSLV0110G100-4EOFN	11KW	15HP	47A	56A		17.685.185	19.100.000
LSLV0150G100-4EOFN	15KW	20HP	60A	70A		18.981.481	20.500.000
LSLV0185G100-4EOFN	18.5KW	25HP	75A	82A		22.592.593	24.400.000
LSLV0220G100-4EOFN	22KW	30HP	88A		24.537.037	26.500.000	
LOADER REMOTE 2M (LSLV-G100),A2MT-G100					Bàn phím dùng gắn ngoài kèm cáp kết nối loại 2 mét	925.926	1.000.000

*HD (Heavy Duty): Tải nặng 150% dòng định mức/1 phút
 ** ND (Normal Duty): Tải nhẹ 120% dòng định mức/1 phút

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày **15-05-2026**)



Tên hàng	KW	HP	In (A)		Mô tả	Đơn giá (Chưa VAT)	Đơn giá (Có VAT)
Loại 3 pha 380-480VAC			HD	ND	: V/f, V/f PG, sensorless vector, sensored vector, CT/VT dual ratings, built-in RS485(LS Bus / Modbus RTU)		
SV0008IS7-2NO	0,75	1HP	5A	8A	<p>BIẾN TẦN HIỆU SUẤT CAO IS7 là một biến tần với hiệu suất và độ tin cậy cao có thể áp dụng cho mọi môi trường làm việc. Mục đích sử dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> . Máy dầm, máy cán, máy kéo . Dây chuyền lắp ráp lốp xe . Thang máy, cần trục, cầu trục . Thiết bị đỗ xe, kho hàng tự động . Máy ép, máy rửa, máy khử nước, máy nén... 3 phase, 200-230VAC(+10%,-15%), 50-60Hz(±5%), 0.01-400Hz,, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng	9.444.444	10.200.000
SV0015IS7-2NO	1,5	2HP	8A	12A		9.851.852	10.640.000
SV0022IS7-2NO	2,2	3HP	12A	16A		10.481.481	11.320.000
SV0037IS7-2NO	3,7	5HP	16A	24A		10.787.037	11.650.000
SV0055IS7-2NO	5,5	7.5HP	24A	32A		12.222.222	13.200.000
SV0075IS7-2NO	7,5	10HP	32A	46A		13.425.926	14.500.000
SV0110IS7-2NO	11	15HP	46A	60A		21.203.704	22.900.000
SV0150IS7-2NO	15	20HP	60A	74A		23.703.704	25.600.000
SV0185IS7-2NO	18,5	25HP	74A	88A		31.851.852	34.400.000
SV0220IS7-2NO	22	30HP	88A	124A		36.111.111	39.000.000
SV0300IS7-2SO	30	40HP	116A	146A		53.888.889	58.200.000
SV0370IS7-2SO	37	50HP	146A	180A		62.777.778	67.800.000
SV0450IS7-2SO	45	60HP	180A	220A		70.833.333	76.500.000
SV0550IS7-2SO	55	75HP	220A	288A		93.981.481	101.500.000
SV0750IS7-2SO	75	100HP	288A	345A		104.351.852	112.700.000
Loại 3 pha 380-480VAC			HD	ND		Built-in RS485(LS Bus / Modbus RTU)/ Ứng dụng cho các tải nặng như băng tải, máy khuấy, máy nén..., N: Chưa có màn hình, D: Tích hợp DC Reactor, Từ 0.75-22Kw tích hợp DBU	
SV0008IS7-4NO	0,75	1HP	2.5A	4A	3 pha, 380-480VAC(+10%,-15%),50-60Hz (±5%), 0.01-400Hz, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng	9.166.667	9.900.000
SV0015IS7-4NO	1,5	2HP	4A	6A		9.537.037	10.300.000
SV0022IS7-4NO	2,2	3HP	6A	8A		10.092.593	10.900.000
SV0037IS7-4NO	3,7	5HP	8A	12A		10.277.778	11.100.000
SV0055IS7-4NO	5,5	7.5HP	12A	16A		11.759.259	12.700.000
SV0075IS7-4NO	7,5	10HP	16A	24A		12.777.778	13.800.000
SV0110IS7-4NO	11	15HP	24A	30A		19.722.222	21.300.000
SV0150IS7-4NO	15	20HP	30A	39A		21.851.852	23.600.000
SV0185IS7-4NO	18,5	25HP	39A	45A		27.037.037	29.200.000
SV0220IS7-4NO	22	30HP	45A	61A		30.648.148	33.100.000
SV0300IS7-4NO	30	40HP	62A	75A		45.648.148	49.300.000
SV0370IS7-4NO	37	50HP	75A	91A		49.629.630	53.600.000
SV0450IS7-4NO	45	60HP	92A	110A		58.703.704	63.400.000



BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày **15-05-2026**)




Tên hàng	KW	HP	In (A)		Mô tả	Đơn giá (Chưa VAT)	Đơn giá (Có VAT)	
SV0550IS7-4NO	55	75HP	111A	152A	3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng, bộ lọc EMC, cuộn kháng DC	64.907.407	70.100.000	
SV0750IS7-4NO	75	100HP	152A	183A		77.129.630	83.300.000	
SV0008IS7-4NOFD	0,75	1HP	2.5A	4A		11.296.296	12.200.000	
SV0015IS7-4NOFD	1,5	2HP	4A	6A		11.944.444	12.900.000	
SV0022IS7-4NOFD	2,2	3HP	6A	8A		12.500.000	13.500.000	
SV0037IS7-4NOFD	3,7	5HP	8A	12A		12.870.370	13.900.000	
SV0055IS7-4NOFD	5,5	7.5HP	12A	16A		14.814.815	16.000.000	
SV0075IS7-4NOFD	7,5	10HP	16A	24A		16.018.519	17.300.000	
SV0110IS7-4NOFD	11	15HP	24A	30A		24.814.815	26.800.000	
SV0150IS7-4NOFD	15	20HP	30A	39A		28.888.889	31.200.000	
SV0185IS7-4NOFD	18,5	25HP	39A	45A		35.000.000	37.800.000	
SV0220IS7-4NOFD	22	30HP	45A	61A		39.537.037	42.700.000	
SV0300IS7-4NOD	30	40HP	65A	75A		3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, tích hợp cuộn kháng DC	50.740.741	54.800.000
SV0370IS7-4NOD	37	50HP	75A	91A			56.481.481	61.000.000
SV0450IS7-4NOD	45	60HP	91A	110A	66.759.259		72.100.000	
SV0550IS7-4NOD	55	75HP	110A	152A	74.722.222		80.700.000	
SV0750IS7-4NOD	75	100HP	152A	183A	84.722.222		91.500.000	
SV0900IS7-4SOD	90	125HP	183A	223A	3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, tích hợp cuộn kháng DC, bàn phím	129.444.444	139.800.000	
SV1100IS7-4SOD	110	150HP	223A	264A		137.500.000	148.500.000	
SV1320IS7-4SOD	132	175HP	264A	325A		152.314.815	164.500.000	
SV1600IS7-4SOD	160	215HP	325A	370A		196.203.704	211.900.000	
SV1850IS7-4SOD	185	250HP	370A	432A		265.925.926	287.200.000	
SV2200IS7-4SOD	220	300HP	432A	547A		279.907.407	302.300.000	
SV2800IS7-4SO	285	350HP	547A	613A		484.444.444	523.200.000	
SV3150IS7-4SO	315	400HP	613A	731A	3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, bàn phím	593.981.481	641.500.000	
SV3750IS7-4SO	375	500HP	731A	877A		638.611.111	689.700.000	
SV-IS7 LCD Key pad					Bảng điều khiển màn hình màu dùng cho iS7 (đa ngôn ngữ: English, Italian, Spanish,	1.314.815	1.420.000	
Remote cable 2m (for IS7)					Cáp kết nối bảng điều khiển và biến tần iS7 loại 2 mét	361.111	390.000	
Remote cable 3m (for IS7)					Cáp kết nối bảng điều khiển và biến tần iS7 loại 3 mét	388.889	420.000	
OPTION PROFIBUS-DP,SV-IS7						3.796.296	4.100.000	
OPTION EXTENSION I/O,SV-IS7						2.851.852	3.080.000	
ENCODER OPTION ,SV-IS7						1.342.593	1.450.000	

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày **15-05-2026**)




Tên hàng	KW	HP	In (A)	Mô tả	Đơn giá (Chưa VAT)	Đơn giá (Có VAT)	
Biến tần cho quạt và bơm: Loại 3 Pha 220~230VAC - IP20			ND	V/f, RS485(LS Bus / Modbus RTU / BACnet / Metasys N2), Pulse train I/O, RTC(Real Time Clock), đã có màn hình (HAND/OFF/AUTO), USB Port/ Ứng dụng chuyên cho hệ HVAC, Bơm, Quạt...			
LSLV0055H100-2CONN	5.5kW	7.5HP	22A	BIẾN TẦN CHO QUẠT VÀ BƠM Dùng trong các ngành công nghiệp: xây dựng, kim loại, bột giấy/ giấy, mỏ than, xử lý dầu khí và nước; (quạt/ bơm, máy sấy) Built-in Dynamic braking transistor, EMC Filter(C3)	10.185.185	11.000.000	
LSLV0075H100-2CONN	7.5kW	10HP	30A		11.574.074	12.500.000	
LSLV0110H100-2CONN	11KW	15HP	42A		13.888.889	15.000.000	
LSLV0150H100-2CONN	15KW	20HP	59A		17.592.593	19.000.000	
LSLV0185H100-2CONN	18.5KW	25HP	69A		23.148.148	25.000.000	
Biến tần cho quạt và bơm: Loại 3 Phase 380~480VAC - IP20, IP00			ND				
LSLV0055H100-4COFN	5.5kW	7.5HP	12A		9.722.222	10.500.000	
LSLV0075H100-4COFN	7.5kW	10HP	16A		11.111.111	12.000.000	
LSLV0110H100-4COFN	11KW	15HP	24A		12.962.963	14.000.000	
LSLV0150H100-4COFN	15KW	20HP	30A		17.037.037	18.400.000	
LSLV0185H100-4COFN	18.5KW	25HP	38A		20.370.370	22.000.000	
LSLV0220H100-4COFN	22KW	30HP	45A		25.925.926	28.000.000	
LSLV0300H100-4COFN	30KW	40HP	61A		30.370.370	32.800.000	
LSLV0370H100-4COND	37KW	50HP	75A		3 phase, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, IP20, built-in DC Reactor	38.888.889	42.000.000
LSLV0450H100-4COND	45KW	60HP	91A			46.759.259	50.500.000
LSLV0550H100-4COND	55KW	75HP	107A		3 phase, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, built-in EMC Filter(C3), DC Reactor	54.629.630	59.000.000
LSLV0370H100-4COFD	37KW	50HP	75A	43.518.519		47.000.000	
LSLV0450H100-4COFD	45KW	60HP	91A	51.851.852		56.000.000	
LSLV0550H100-4COFD	55KW	75HP	107A	60.185.185		65.000.000	
LSLV0750H100-4COFD	75KW	100HP	142A	62.037.037		67.000.000	
LSLV0900H100-4COFD	90KW	125HP	169A	74.074.074		80.000.000	
LSLV1100H100-4COFD	110KW	150HP	223A	109.259.259		118.000.000	
LSLV1320H100-4COFD	132KW	200HP	264A	113.888.889		123.000.000	
LSLV1600H100-4COFD	160KW	250HP	325A	3 phase, 380~500VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, IP20, built-in EMC Filter(C3), DC Reactor	131.481.481	142.000.000	
LSLV1850H100-4COFD	185KW	300HP	370A		150.925.926	163.000.000	
LSLV2200H100-4COFD	220KW	350HP	432A		177.777.778	192.000.000	
LSLV2500H100-4COFD	250KW	400HP	481A		200.925.926	217.000.000	
LSLV3150H100-4COFD	315KW	500HP	613A		220kW(350HP), 3 phase, 380~500VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, IP00, built-in EMC Filter(C3), DC Reactor	439.814.815	475.000.000
LSLV3550H100-4COFD	355KW	550HP	683A			494.444.444	534.000.000
LSLV4000H100-4COFD	400KW	650HP	770A			546.296.296	590.000.000
LSLV5000H100-4COFD	500KW	800HP	962A	601.851.852		650.000.000	

- GHI CHÚ: **HD(Heavy Duty) Overload 150% 1min.
 **ND(Normal Duty): Overload 110% or 120% 1min

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày **15-05-2024**)



Tên hàng	KW	HP	In (A)		Mô tả	Đơn giá (Chưa VAT)	Đơn giá (Có VAT)	
Loại 1 pha 200~240VAC - 1P20			HD	ND	: V/f, fixed keypad, EMC filter(C2)			
LSLV0001M100-1EOFNS	0.1KW	1/8HP	0.8A	-	BIẾN TẦN MICRO: - Sử dụng cho các máy móc, quạt/ bơm và băng tải nhỏ. - Lắp đặt trên thanh Din Rail. EOFNS: (Standard I/O: 3 Digital Inputs, 1 Analog Input, 1 Analog Output, 1 Open Collector, 1 Relay) EOFNA: (Advanced I/O: 5 Digital Inputs, 2 Analog Input, 1 Analog Output, 1 Open Collector, 2 Relay, RS485)	2.638.889	2.850.000	
LSLV0002M100-1EOFNS	0.2KW	1/4HP	1.4A	-		2.731.481	2.950.000	
LSLV0004M100-1EOFNS	0.4KW	1/2HP	2.4A	-		2.916.667	3.150.000	
LSLV0008M100-1EOFNS	0.75KW	1HP	4.2A	-		3.055.556	3.300.000	
LSLV0015M100-1EOFNS	1.5KW	2HP	7.5A	-		3.657.407	3.950.000	
LSLV0022M100-1EOFNS	2.2KW	3HP	10A	-		4.027.778	4.350.000	
LSLV0001M100-1EOFNA	0.1KW	1/8HP	0.8A	-		2.870.370	3.100.000	
LSLV0002M100-1EOFNA	0.2KW	1/4HP	1.4A	-		2.962.963	3.200.000	
LSLV0004M100-1EOFNA	0.4KW	1/2HP	2.4A	-		3.148.148	3.400.000	
LSLV0008M100-1EOFNA	0.75KW	1HP	4.2A	-		3.333.333	3.600.000	
LSLV0015M100-1EOFNA	1.5KW	2HP	7.5A	-		3.981.481	4.300.000	
LSLV0022M100-1EOFNA	2.2KW	3HP	10A	-		4.305.556	4.650.000	
								
Tên hàng	KW	HP	Overload capacity	Output (A)		Mô tả		Đơn giá (Có VAT)
<i>L100 series for Elevator Application:</i>					Biến tần thang máy			
LSLV0055L100-4NNFN	5,5	7,5	150% for 1 min.	12	- Khả dụng cho nhiều loại tải khác nhau (Thang khách, thang hàng, thang máy đồ xe,...)	Call	Call	
LSLV0075L100-4NNFN	7,5	10	150% for 1 min.	16	- Có thể điều khiển động cơ IM hoặc động cơ PM, có hộp số hay không có hộp số	Call	Call	
LSLV0110L100-4NNFN	11	15	150% for 1 min.	24	- Điều khiển vector vòng hở và vector vòng kín cho động cơ IM hoặc PM tiêu chuẩn (với Incremental encoder, SIN/COS encoder, Endat encoder)	Call	Call	
LSLV0150L100-4NNFN	15	20	150% for 1 min.	30	- Kích thước nhỏ gọn cho phép lắp đặt không phòng máy	Call	Call	
LSLV0185L100-4NNFN	18,5	25	150% for 1 min.	39		Call	Call	
LSLV0220L100-4NNFN	22	30	150% for 1 min.	45		Call	Call	
ENCODER(LSLV-L100),XENC-L100						Call	Call	
SIN/COS ENCODER(LSLV-L100),XSIN-L100						Call	Call	
SIN/COS_ENDAT ENCODER(LSLV-L100),XEDT-100						Call	Call	
ELEVATOR I/O(LSLV-L100),XELV-L100						Call	Call	
REMOTE 2M(LSLV-L100),A2MT-L100						Call	Call	
REMOTE 3M(LSLV-L100),A3MT-L100						Call	Call	
REMOTE 5M(LSLV-L100),A5MT-L100						Call	Call	
RS232 CABLE 2M(LSLV-L100),S2MT-L100						Call	Call	



BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày **15-05-2026**)



Tên hàng	Mô tả	Đơn giá (Chưa VAT)	Đơn giá (Có VAT)
Dynamic Braking Unit (DBU) Bộ Transistor để gắn Điện trở xả vào.			
Dynamic Braking Unit (DBU) - 200~230V			
LSLV0150DBU-2LN	Brake unit for 15kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	3.888.889	4.200.000
LSLV0220DBU-2LN	Brake unit for 22kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	4.490.741	4.850.000
LSLV0370DBU-2LN	Brake unit for 37kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	5.416.667	5.850.000
LSLV0370DBU-2HN	Brake unit for 37kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	12.400.000	13.392.000
LSLV0750DBU-2LN	Brake unit for 75kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	7.500.000	8.100.000
LSLV0750DBU-2HN	Brake unit for 75kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	18.518.519	20.000.000
LSLV0900DBU-2HN	Brake unit for 90kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	20.509.259	22.150.000
Dynamic Braking Unit (DBU) - 380~400V			
LSLV0150DBU-4LN	Brake unit for 15kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	3.888.889	4.200.000
LSLV0220DBU-4LN	Brake unit for 22kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	4.490.741	4.850.000
LSLV0370DBU-4LN	Brake unit for 37kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	5.416.667	5.850.000
LSLV0370DBU-4HN	Brake unit for 37kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	11.805.556	12.750.000
LSLV0750DBU-4LN	Brake unit for 75kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	6.898.148	7.450.000
LSLV0750DBU-4HN	Brake unit for 75kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	16.805.556	18.150.000
INV,SV750DB-4	Brake unit for 75kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 100%ED (Enable Duty), CE certificated	23.518.519	25.400.000
LSLV0900DBU-4HN	Brake unit for 90kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	20.509.259	22.150.000
LSLV1320DBU-4HN	Brake unit for 132kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	25.000.000	27.000.000
LSLV1600DBU-4HN	Brake unit for 160kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	33.981.481	36.700.000
LSLV2200DBU-4HN	Brake unit for 220kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	37.500.000	40.500.000
INV,SV2200DB-4	Brake unit for 220kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 100%ED (Enable Duty), CE certificated	28.981.481	31.300.000
External brake resistors (Điện trở xả)			
Temperature range: -50~200°C , Insulation resistance: over 100MΩ, Dielectric strength: AC 2,500V / 1 Min, Temperature coefficient: ±260 ppm / °C max			
MCRA 50W 1.8K OHM J	50 wat, 1800ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	259.259	280.000
MCRA 100W 1.2K OHM J	100 wat, 1200ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	259.259	280.000
MCRA 200W 1.2K OHM J	200 wat, 1200ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	398.148	430.000
MCRA 100W 900 OHM J	100 wat, 900ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	185.185	200.000
MCRA 150W 600 OHM J	150 wat, 600ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	222.222	240.000
MCRA 200W 450 OHM J	200 wat, 450ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	305.556	330.000
MCRA 50W 400 OHM J	50 wat, 400ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	175.926	190.000
MCRA 100W 300 OHM J	100 wat, 300ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	185.185	200.000
MCRA 200W 300 OHM J	200 wat, 300ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	305.556	330.000
MCRA 100W 200 OHM J	100 wat, 200ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	185.185	200.000

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC
(Áp dụng từ ngày **15-05-2026**)



Tên hàng		Mô tả	Đơn giá (Chưa VAT)	Đơn giá (Có VAT)
	MCRA 150W 150 OHM J	150 wat, 150ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	222.222	240.000
	MCRA 200W 100 OHM J	200 wat, 100ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	305.556	330.000
	MCRF 300W 600 OHM J	300 wat, 600ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	481.481	520.000
	MCRF 300W 300 OHM J	300 wat, 300ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	425.926	460.000
	MCRF 600W 300 OHM J	600 wat, 300ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	629.630	680.000
	MCRF 400W 200 OHM J	400 wat, 200ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	527.778	570.000
	MCRF 800W 200 OHM J	800 wat, 200ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	703.704	760.000
	MCRF 300W 150 OHM J	300 wat, 150ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	435.185	470.000
	MCRF 600W 130 OHM J	600 wat, 130ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	629.630	680.000
	MCRF 1.2kW 130 OHM J	1200 wat, 130ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	870.370	940.000
	MCRF 700W 120 OHM J	700 wat, 120ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	694.444	750.000
	MCRF 1kW 90 OHM J	1000 wat, 90ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	750.000	810.000
	MCRF 1kW 85 OHM J	1000 wat, 85ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	750.000	810.000
	MCRF 2kW 85 OHM J	2000 wat, 85ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1.435.185	1.550.000
	MCRF 300W 60 OHM J	300 wat, 60ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	435.185	470.000
	MCRF 600W 60 OHM J	600 wat, 60ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	629.630	680.000
	MCRF 1.2kW 60 OHM J	1200 wat, 60ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	870.370	940.000
	MCRF 400W 50 OHM J	400 wat, 50ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	527.778	570.000
	MCRF 800W 50 OHM J	800 wat, 50ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	703.704	760.000
	MCRF 2kW 45 OHM J	2000 wat, 45ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1.435.185	1.550.000
	MCRF 500W 40 OHM J	500 wat, 40ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	564.815	610.000
	MCRF 2kW 40 OHM J	2000 wat, 40ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1.435.185	1.550.000
	MCRF 1.6kW 33.9 OHM J	1600 wat, 33.9ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1.101.852	1.190.000
	MCRF 600W 33 OHM J	600 wat, 33ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	629.630	680.000
	MCRF 1.2kW 33 OHM J	1200 wat, 33ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	870.370	940.000
	MCRF 800W 20 OHM J	800 wat, 20ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	703.704	760.000
	MCRF 1.6kW 20 OHM J	1600 wat, 20ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1.101.852	1.190.000
	MCRF 1.2kW 15 OHM J	1200 wat, 15ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	870.370	940.000
	MCRF 1.6kW 8.5 OHM J	1600 wat, 8.5ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1.101.852	1.190.000
	MCRS 2.4kW 60 OHM J	2400 wat, 60ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	2.203.704	2.380.000
	MCRS 2.4kW 35 OHM J	2400 wat, 35ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	2.203.704	2.380.000
	MCRS 2.4kW 30 OHM J	2400 wat, 30ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	2.203.704	2.380.000
	MCRS 2.4kW 22.8 OHM J	2400 wat, 22.8ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	2.203.704	2.380.000
	MCRS 2.4kW 15 OHM J	2400 wat, 15ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	2.203.704	2.380.000
	MCRS 2.4kW 10 OHM J	2400 wat, 10ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	2.203.704	2.380.000
	MCRS 2.4kW 8 OHM J	2400 wat, 8ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	2.203.704	2.380.000
	MCRS 2.4kW 5.7 OHM J	2400 wat, 5.7ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	2.203.704	2.380.000
Brake resistors (Case package type with thermostat sensor)		Temperature range: -50~200°C, Insulation resistance: over 20MΩ, Dielectric strength: AC 2,500 V / 1 Min, Temperature coefficient: ±260 ppm / °C max, Thermostat sensor: B contact		
	MCRF-ST 1.2kW 60 OHM J	1200 watt, 60 ohm resistor,	2.870.370	3.100.000
	MCRF-ST 2kW 45 OHM J	2000 watt, 45 ohm resistor	3.333.333	3.600.000
	MCRF-ST 2kW 40 OHM J	2000 watt, 40 ohm resistor	3.333.333	3.600.000
	MCRF-ST 4kW 40 OHM J	4000 watt, 40 ohm resistor	5.648.148	6.100.000
	MCRF-ST 2.4kW 35 OHM	2400 watt, 35 ohm resistor	3.981.481	4.300.000
	MCRF-ST 1.6kW 33.9 OHM J	1600 watt, 33.9 ohm resistor	3.333.333	3.600.000
	MCRF-ST 2.4kW 30 OHM J	2400 watt, 30 ohm resistor	3.981.481	4.300.000

MCRF-ST 4.8kW 30 OHM J	4800 watt, 30 ohm resistor	6.759.259	7.300.000
MCRF-ST 2.4kW 22.8 OHM J	2400 watt, 30 ohm resistor	3.981.481	4.300.000
MCRF-ST 3.6kW 20 OHM J	3600 watt, 20 ohm resistor	5.000.000	5.400.000
MCRF-ST 7.2kW 20 OHM J	7200 watt, 20 ohm resistor	8.240.741	8.900.000
MCRF-ST 3.2kW 16.9 OHM J	3200 watt, 16.9 ohm resistor	5.000.000	5.400.000
MCRF-ST 1.2kW 15 OHM J	1200 watt, 15 ohm resistor	2.870.370	3.100.000
MCRF-ST 5kW 12 OHM J	5000 watt, 12 ohm resistor	6.759.259	7.300.000
MCRF-ST 10kW 12 OHM J	10000 watt, 12 ohm resistor	11.574.074	12.500.000
MCRF-ST 4.8kW 11.4 OHM J	4800 watt, 11.4 ohm resistor	6.759.259	7.300.000
MCRF-ST 2.4kW 10 OHM J	2400 watt, 10 ohm resistor	3.981.481	4.300.000
MCRF-ST 4.8kW 10 OHM J	4800 watt, 10 ohm resistor	6.759.259	7.300.000
MCRF-ST 6.4kW 10 OHM J	6400 watt, 10 ohm resistor	8.148.148	8.800.000
MCRF-ST 12.8kW 10 OHM J	12800 watt, 10 ohm resistor	14.722.222	15.900.000
MCRF-ST 1.6kW 8.5 OHM J	1600 watt, 8.5 ohm resistor	3.333.333	3.600.000
MCRF-ST 6.4kW 8.4 OHM J	6400 watt, 8.4 ohm resistor	8.148.148	8.800.000
MCRF-ST 7.2kW 8.4 OHM J	7200 watt, 8.4 ohm resistor	8.240.741	8.900.000
MCRF-ST 14.4kW 8.4 OHM J	14400 watt, 8.4 ohm resistor	15.277.778	16.500.000
MCRF-ST 2.4kW 8 OHM J	2400 watt, 8 ohm resistor	3.981.481	4.300.000
MCRF-ST 4.8kW 8 OHM J	4800 watt, 8 ohm resistor	6.759.259	7.300.000
MCRF-ST 10kW 6 OHM J	10000 watt, 6 ohm resistor	11.574.074	12.500.000
MCRF-ST 20kW 6 OHM J	20000 watt, 6 ohm resistor	21.481.481	23.200.000
MCRF-ST 2.4kW 5.7 OHM J	2400 watt, 5.7 ohm resistor	3.981.481	4.300.000
MCRF-ST 3.6kW 5 OHM J	3600 watt, 5 ohm resistor	5.000.000	5.400.000
MCRF-ST 7.2kW 5 OHM J	7200 watt, 5 ohm resistor	8.240.741	8.900.000
MCRF-ST 13kW 5 OHM J	13000 watt, 5 ohm resistor	14.722.222	15.900.000
MCRF-ST 26kW 5 OHM J	26000 watt, 5 ohm resistor	30.000.000	32.400.000
MCRF-ST 3.2kW 4.2 OHM J	3200 watt, 4.2 ohm resistor	5.000.000	5.400.000
MCRF-ST 16kW 4 OHM J	16000 watt, 4 ohm resistor	19.814.815	21.400.000
MCRF-ST 32kW 4 OHM J	32000 watt, 4 ohm resistor	35.648.148	38.500.000
MCRF-ST 20kW 3.4 OHM J	20000 watt, 3.4 ohm resistor	21.481.481	23.200.000
MCRF-ST 40kW 3.4 OHM J	40000 watt, 3.4 ohm resistor	41.851.852	45.200.000
MCRF-ST 5kW 3 OHM J	5000 watt, 3 ohm resistor	6.759.259	7.300.000
MCRF-ST 10kW 3 OHM J	10000 watt, 3 ohm resistor	11.574.074	12.500.000
MCRF-ST 4.8kW 2.8 OHM J	4800 watt, 2.8 ohm resistor	6.759.259	7.300.000
MCRF-ST 24kW 2.8 OHM J	24000 watt, 2.8 ohm resistor	28.240.741	30.500.000
MCRF-ST 48kW 2.8 OHM J	48000 watt, 2.8 ohm resistor	53.981.481	58.300.000
MCRF-ST 6kW 2.4 OHM J	6000 watt, 2.4 ohm resistor	7.638.889	8.250.000
MCRF-ST 12kW 2.4 OHM J	12000 watt, 2.4 ohm resistor	14.166.667	15.300.000
MCRF-ST 26kW 2.4 OHM J	26000 watt, 2.4 ohm resistor	30.000.000	32.400.000
MCRF-ST 52kW 2.4 OHM J	52000 watt, 2.4 ohm resistor	69.444.444	75.000.000
MCRF-ST 7.5kW 2 OHM J	7500 watt, 2 ohm resistor	9.074.074	9.800.000
MCRF-ST 15kW 2 OHM J	15000 watt, 2 ohm resistor	15.277.778	16.500.000
MCRF-ST 30kW 2 OHM J	30000 watt, 2 ohm resistor	32.500.000	35.100.000
MCRF-ST 60kW 2 OHM J	60000 watt, 2 ohm resistor	73.518.519	79.400.000
MCRF-ST 10kW 1.5 OHM J	10000 watt, 1.5 ohm resistor	11.574.074	12.500.000
MCRF-ST 20kW 1.5 OHM J	20000 watt, 1.5 ohm resistor	21.481.481	23.200.000
MCRF-ST 13kW 1.2 OHM J	13000 watt, 1.2 ohm resistor	14.722.222	15.900.000
MCRF-ST 26kW 1.2 OHM J	26000 watt, 1.2 ohm resistor	30.000.000	32.400.000

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày **15-05-2026**)



Tên hàng	KW	HP	In (A)		Mô tả	Đơn giá (Chưa VAT)	Đơn giá (Có VAT)
Loại 1 pha 200~240VAC (Protection degree IP20)			HD	ND	Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải, máy nén, máy cán...)		
LSLV0004S100-1EONNS	0.4/0.75kw	1/2HP	2.5A	-	1 phase, 200~240VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thẳng, control terminal I/O 5mm pitch	Call	Call
LSLV0008S100-1EONNS	0.75/1.5kw	1HP	5A	-		Call	Call
LSLV0015S100-1EONNS	1.5/2.2kw	2HP	8A	-		Call	Call
LSLV0022S100-1EONNS	2.2/3.7kw	3HP	11A	-		Call	Call
Loại 3 Pha 200~240VAC (Protection degree IP20)			HD	ND	Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải...)		
LSLV0004S100-2EONNS	0.4/0.75kw	1/2HP	2.5A	-	3 phase, 200~240VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thẳng, control terminal I/O 5mm pitch	Call	Call
LSLV0008S100-2EONNS	0.75/1.5kw	1HP	5A	-		Call	Call
LSLV0015S100-2EONNS	1.5/2.2kw	2HP	8A	-		Call	Call
LSLV0022S100-2EONNS	2.2/3.7kw	3HP	11A	-		Call	Call
LSLV0037S100-2EONNS	3.7/4kw	5HP	16A	-		Call	Call
LSLV0040S100-2EONNS	4/5.5kw	5.4HP	17A	-		Call	Call
LSLV0055S100-2EONNS	5.5/7.5kw	7.5HP	24A	-		Call	Call
LSLV0075S100-2EONNS	7.5/11kw	10HP	32A	-		Call	Call
LSLV0110S100-2EONNS	11/15kw	15HP	46A	-		Call	Call
LSLV0150S100-2EONNS	15/18.5kw	20HP	60A	-		Call	Call
Loại 3 Pha 380~480VAC (Protection degree IP20)			HD	ND	Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải...)		
LSLV0004S100-4EONNS	0.4/0.75kw	1/2HP	1.25A	-	3 phase, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thẳng, control terminal I/O 5mm pitch	Call	Call
LSLV0008S100-4EONNS	0.75/1.5kw	1HP	2.5A	-		Call	Call
LSLV0015S100-4EONNS	1.5/2.2kw	2HP	4A	-		Call	Call
LSLV0022S100-4EONNS	2.2/3.7kw	3HP	5.5A	-		Call	Call
LSLV0037S100-4EONNS	3.7/4kw	5HP	8A	-		Call	Call
LSLV0040S100-4EONNS	4/5.5kw	5.4HP	9A	-		Call	Call
LSLV0055S100-4EONNS	5.5/7.5kw	7.5HP	12A	-		Call	Call
LSLV0075S100-4EONNS	7.5/11kw	10HP	16A	-		Call	Call
LSLV0110S100-4EONNS	11/15kw	15HP	24A	-		Call	Call
LSLV0150S100-4EONNS	15/18.5kw	20HP	30A	-		Call	Call
LSLV0185S100-4EONNS	18.5/22kw	25HP	39A	-	3 phase, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thẳng, EMC filter(C3), control terminal I/O 5mm pitch	Call	Call
LSLV0220S100-4EONNS	22/30kw	30HP	45A	-		Call	Call
LSLV0300S100-4CONDS	30/37kw	40HP	61A	-		Call	Call
LSLV0370S100-4CONDS	37/45kw	50HP	75A	-	3 phase, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, detachable LCD keypad, built-in DC	Call	Call



BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày **15-05-2026**)



Tên hàng	KW	HP	In (A)		Mô tả	Đơn giá (Chưa VAT)	Đơn giá (Có VAT)	
LSLV0450S100-4CONDS	45/55kw	60HP	91A	-	reactor, control terminal I/O 5mm pitch	Call	Call	
LSLV0550S100-4CONDS	55/75kw	75HP	110A	-		Call	Call	
LSLV0750S100-4CONDS	75/90kw	100HP	152A	-		Call	Call	
Loại 3 Pha 200~230VAC (Protection degree IP66 (NEMA4X))			HD	ND	Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải...)			
LSLV0004S100-2EXNNS	0.4/0.75kw	1/2HP	2.5A	-	3 phase, 200~240VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thẳng, control terminal I/O 5mm pitch	Call	Call	
LSLV0008S100-2EXNNS	0.75/1.5kw	1HP	5A	-		Call	Call	
LSLV0015S100-2EXNNS	1.5/2.2kw	2HP	8A	-		Call	Call	
LSLV0022S100-2EXNNS	2.2/3.7kw	3HP	11A	-		Call	Call	
LSLV0037S100-2EXNNS	3.7/4kw	5HP	16A	-		Call	Call	
LSLV0040S100-2EXNNS	4/5.5kw	5.4HP	17A	-		Call	Call	
LSLV0055S100-2EXNNS	5.5/7.5kw	7.5HP	24A	-		Call	Call	
LSLV0075S100-2EXNNS	7.5/11kw	10HP	32A	-		Call	Call	
LSLV0110S100-2EXNNS	11/15kw	15HP	46A	-		Call	Call	
LSLV0150S100-2EXNNS	15/18.5kw	20HP	60A	-		Call	Call	
Loại 3 Phase 380~480VAC (Protection degree IP66 (NEMA4X))			HD	ND	Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải...)			
LSLV0004S100-4EXNNS	0.4/0.75kw	1/2HP	1.25A	-	3 phase, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thẳng, control terminal I/O 5mm pitch	Call	Call	
LSLV0008S100-4EXNNS	0.75/1.5kw	1HP	2.5A	-		Call	Call	
LSLV0015S100-4EXNNS	1.5/2.2kw	2HP	4A	-		Call	Call	
LSLV0022S100-4EXNNS	2.2/3.7kw	3HP	5.5A	-		Call	Call	
LSLV0037S100-4EXNNS	3.7/4kw	5HP	8A	-		Call	Call	
LSLV0040S100-4EXNNS	4/5.5kw	5.4HP	9A	-		Call	Call	
LSLV0055S100-4EXNNS	5.5/7.5kw	7.5HP	12A	-		Call	Call	
LSLV0075S100-4EXNNS	7.5/11kw	10HP	16A	-		Call	Call	
LSLV0110S100-4EXNNS	11/15kw	15HP	24A	-		Call	Call	
LSLV0150S100-4EXNNS	15/18.5kw	20HP	30A	-		Call	Call	
LSLV0185S100-4EXNNS	18.5/22kw	25HP	39A	-		Call	Call	
LSLV0220S100-4EXNNS	22/30kw	30HP	45A	-		Call	Call	
Phụ kiện dùng cho LSLV S100:								
CANOpen(LSLV-S100),CCAN-S100						Call	Call	
Profibus-DP(LSLV-S100),CPDP-S100						Call	Call	
Ethernet(LSLV-S100),CENT-S100						Call	Call	
- GHI CHÚ: **HD(Heavy Duty) Overload 150% 1min. **ND(Normal Duty): Overload 110% or 120% 1min								